

Số: 25/2021/QĐST-KDTM

T, ngày 31 tháng 3 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020.

### XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH

#### 1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** *NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM;*

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố H;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Sơn Tùng và ông Đỗ Ngọc Đạt - Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;

*(Theo Giấy ủy quyền số 339/03/2020/UQ –TCB ngày 18/04/2020)*

**\* Bị đơn:** Ông Tạ Trung H, sinh năm 1974;

Bà Đặng Thị H 2, sinh năm 1975; ;

Nơi cư trú: Thôn Phú Đa, xã C, huyện T, thành phố H.

Ông H là người đại diện theo ủy quyền của bà H 2 theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Tạ Khắc H 3, sinh năm 1977;

- Bà Tạ Thanh X, sinh năm 1982;

- Chị Tạ Quỳnh T , sinh năm 2002;
- Cháu Tạ Khánh S , sinh năm 2007; (con ông H 3 bà X )

Nơi cư trú: Thôn Phú Đa 2, xã C, huyện T, thành phố H.

- Ông Kiều Mạnh H4, sinh năm 1973;
- Bà Tạ Thị H5, sinh năm 1973;
- Anh Kiều Mạnh H6, sinh năm 1993;
- Chị Kiều Bích L, sinh năm 1999;
- Cháu Kiều Thị Hồng T2, sinh năm 2009; (con ông H4 bà H5)
- Cụ Kiều Văn H7, sinh năm 1944;
- Cụ Vương Thị H8, sinh năm 1947;

Nơi cư trú: Thôn Phú Đa 1, xã C, huyện T, thành phố H.

Ông Tạ Trung H, sinh năm 1974 là người đại diện theo ủy quyền của cụ Hoa và cụ Huân theo Giấy ủy quyền ngày 04/12/2020.

Ông Tạ Trung H, sinh năm 1974 là người đại diện theo ủy quyền của ông H 3, bà X , chị T , ông H4, bà H5, anh H6, chị L theo Giấy ủy quyền ngày 23/02/2021.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Ông Tạ Trung H và bà Đặng Thị H 2 có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 33116/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-TXN ngày 28/07/2010, tính đến ngày 02/3/2021 là:

Nợ gốc:	3.088.480.000 đồng;
Nợ lãi trong hạn:	3.314.967.890 đồng;
Nợ lãi quá hạn:	1.594.081.452 đồng;
Lãi phạt:	4.143.109.427 đồng;
Tổng:	12.140.638.769 đồng;

Bằng chữ: Mười hai tỷ một trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng.

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam miễn lãi phạt 4.143.109.427 đồng cho ông H và bà H 2. Vì vậy, số tiền ông H và bà H 2 phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 02/3/2021 là **7.997.529.342đ** (*Bảy tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu năm trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Thời hạn thanh toán trước ngày 30/4/2021

2.2. Ông Tạ Trung H và bà Đặng Thị H 2 tiếp tục phải trả lãi phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán, kể từ ngày 03/3/2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 33116/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-TXN. Trường hợp Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có điều chỉnh lãi suất thì mức lãi suất ông H và bà H 2 phải

trả cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

2.3. Kể từ khi bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật ông Tạ Trung H và bà Đặng Thị H 2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

**Tài sản thứ nhất:** Quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 58, diện tích 330m<sup>2</sup> đất vườn; thửa đất số 43, diện tích 359m<sup>2</sup> đất ở; thửa đất số 30, diện tích 942m<sup>2</sup> đất ao; tờ bản đồ số 18 tại thôn Phú Đa, xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố H). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 244179, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 00021/QSDĐ/1058/QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 23/09/2003 cho hộ ông Tạ Trung H. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 3368.2010/HĐTC-TCB ngày 23/07/2010 tại trụ sở Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố H. Nghĩa vụ bảo lãnh là: 2.066.705.075 đồng; trong đó nợ gốc là: 807.637.520 đồng; nợ lãi trong hạn là: 866.864.103 đồng; nợ lãi quá hạn là: 416.852.300 đồng.

**Tài sản thứ hai:** Quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 02; tờ bản đồ số 12, diện tích 500m<sup>2</sup> đất ở và 1377m<sup>2</sup> diện tích đất vườn tại thôn Phú Đa, xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố H). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 244730, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 00544/QSDĐ/1058/QĐ-UB-H do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 23/09/2003 cho hộ ông Kiều Mạnh Hùng. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 3369.2010/HĐTC-TCB ngày 23/07/2010 tại trụ sở Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố H. Nghĩa vụ bảo lãnh là: 5.851.705.173 đồng; trong đó nợ gốc là: 2.280.842.480 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.448.103.787 đồng; nợ lãi quá hạn là: 1.177.229.152 đồng.

Trường hợp toàn bộ khối tài sản thế chấp sau khi xử lý phát mại mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam thì ông Tạ Trung H và bà Đặng Thị H 2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi tất toán khoản vay.

2.4. Về án phí: Ông Tạ Trung H và bà Đặng Thị H 2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 57.998.700 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền 59.480.000 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0011730 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *THADS huyện T;*
- *TANDTP H; VKSNDTP H;*
- *VKSND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Thủy**